



CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN
PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC

Mã số: BM02-QT09

Lần ban hành: 03

Ngày hiệu lực: 01/08/2024

Trang: 1/1

Số: 852 /KQTN-2025

Tây Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- Tên mẫu thử (Name of sample): Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại trạm xử lý nước sạch ấp Thanh Hiệp, Thanh Phú - xã Bến Lức - tỉnh Tây Ninh
- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer): Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - tỉnh Tây Ninh
- Mô tả mẫu (Description): Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.
- Ngày nhận mẫu (Date of receiving): 08/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking): Nguyễn Phước Huy
- Số phiếu YC (Number of questionnaire): 341



VILAS 1159

MSM: 251008.34

Kết quả thử nghiệm (Test results):

Stt No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 6492:2011)		6.9	6.0~8.5	08/10/2025
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	14.1	15	08/10/2025
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	08/10/2025
4	Độ đục*	TCVN 6184:2008 (ISO 7027:1999)	NTU	0.77	2	08/10/2025
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	0.77	2	08/10/2025
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.25	0.2~1.0	08/10/2025
7	Hàm lượng N-NH ₄ *	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	09/10/2025
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	08/10/2025
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	08/10/2025
10	Arsenic	SMEWW 3500-As-B (EPA 206.4&EN 26595)	mg/L	KPH	0.01	09/10/2025

TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC
(Head of Testing Department)

Nguyễn Thị Thùy Dung

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Deputy General Director)



Lưu Văn Cần

Nhận xét:

Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- KPH: Không phát hiện.
- (*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017.
- (**) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

	CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC	Mã số: BM02-QT09
		Lần ban hành: 03
		Ngày hiệu lực: 01/08/2024
		Trang: 1/1

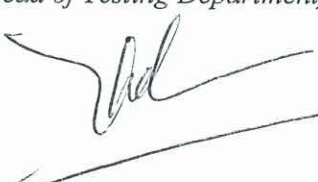
Số: 851 /KQTN-2025

Tây Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT	
- Tên mẫu thử (Name of sample):	Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại TCN Gò Đen Ấp 1 - xã Mỹ Yên - Tỉnh Tây Ninh
- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer):	Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - tỉnh Tây Ninh
- Mô tả mẫu (Description):	Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.
- Ngày nhận mẫu (Date of receiving):	08/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking):	Nguyễn Phước Huy
- Số phiếu YC (Number of questionnaire):	341
MSM: 251008.33	



Stt No	Tên chỉ tiêu Characteritic	Phương pháp thử Test method	Đ.vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 6492:2011)		6.7	6.0~8.5	08/10/2025
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	<LOQ = 5	15	08/10/2025
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	08/10/2025
4	Độ đục*	TCVN 6184:2008 (ISO 7027:1999)	NTU	<LOQ = 0.5	2	08/10/2025
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	0.54	2	08/10/2025
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.30	0.2~1.0	08/10/2025
7	Hàm lượng N-NH ₄ *	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	09/10/2025
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	08/10/2025
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	08/10/2025
10	Arsenic	SMEWW 3500-As-B (EPA 206.4&EN 26595)	mg/L	KPH (LOQ = 0.01)	0.01	09/10/2025

TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC (Head of Testing Department)  Nguyễn Thị Thùy Dung	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (Deputy General Director)  Lưu Văn Cần
---	---

Nhận xét:
Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- KPH: Không phát hiện.
- (*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017.
- (**) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN
PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC

Mã số: BM02-QT09

Lần ban hành: 03

Ngày hiệu lực: 01/08/2024

Trang: 1/1

Số: 850 /KQTN-2025

Tây Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- Tên mẫu thử (Name of sample): Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại TCN Bến Lức Ấp Bến Lức 3 - xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh
- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer): Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - tỉnh Tây Ninh
- Mô tả mẫu (Description): Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.
- Ngày nhận mẫu (Date of receiving): 08/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking): Nguyễn Phước Huy
- Số phiếu YC (Number of questionnaire): 341
- MSM: 251008.32



Kết quả thử nghiệm (Test results):

Stt No	Tên chỉ tiêu Characteritic	Phương pháp thử Test method	Đ.vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 6492:2011)		7.5	6.0~8.5	08/10/2025
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	<LOQ = 5	15	08/10/2025
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	08/10/2025
4	Độ đục*	TCVN 6184:2008 (ISO 7027:1999)	NTU	0.53	2	08/10/2025
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	0.61	2	08/10/2025
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.28	0.2~1.0	08/10/2025
7	Hàm lượng N-NH ₄ *	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	09/10/2025
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	08/10/2025
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	08/10/2025
10	Arsenic	SMEWW 3500-As-B (EPA 206.4&EN 26595)	mg/L	KPH	0.01	09/10/2025

TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC
(Head of Testing Department)

Nguyễn Thị Thùy Dung

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Deputy General Director)
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
LONG AN
P. LONG AN - T. TÂY NINH

Lưu Văn Cần

Nhận xét:

Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- KPH: Không phát hiện.
- (*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017.
- (**) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

	CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC	Mã số: BM02-QT09
		Lần ban hành: 03
		Ngày hiệu lực: 01/08/2024
		Trang: 1/1

Số: 853 /KQTN-2025

Tây Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT



- Tên mẫu thử (Name of sample):

Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại TCN Phước Tỉnh, ấp Phước Tỉnh, xã Mỹ Yên - tỉnh Tây Ninh

- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer):

Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức
Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - tỉnh Tây Ninh

- Mô tả mẫu (Description):

Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.

- Ngày nhận mẫu (Date of receiving):

08/10/2025

- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking):

Nguyễn Phước Huy

- Số phiếu YC (Number of questionnaire):

341

MSM: 251008.35

Kết quả thử nghiệm (Test results):

Stt No	Tên chỉ tiêu Characteritic	Phương pháp thử Test method	Đ.vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 6492:2011)		6.6	6.0~8.5	08/10/2025
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	12.8	15	08/10/2025
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	08/10/2025
4	Độ đục*	TCVN 6184:2008 (ISO 7027:1999)	NTU	0.72	2	08/10/2025
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	0.70	2	08/10/2025
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.27	0.2~1.0	08/10/2025
7	Hàm lượng N-NH ₄ *	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	09/10/2025
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	08/10/2025
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	08/10/2025
10	Arsenic	SMEWW 3500-As-B (EPA 206.4&EN 26595)	mg/L	KPH	0.01	09/10/2025

TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC
(Head of Testing Department)

Nguyễn Thị Thùy Dung

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Deputy General Director)

Lưu Văn Cần

Nhận xét:

Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.

Ghi chú:

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
2. LOQ: Giới hạn định lượng.
3. KPH: Không phát hiện.
4. (*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017.
5. (**) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.